TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH VĨNH LONG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 35/2022/HNGĐ-PT
Ngày: 09 - 12 - 2022
V/v tranh chấp ly hôn và nuôi con chung khi ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH VĨNH LONG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: ông Nguyễn Hữu Tuấn

Các Thẩm phán: ông Lê Nguyên Khoa

bà Nguyễn Thị Tư

- Thư ký phiên tòa: ông Thái Thành Đạt – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Long tham gia phiên tòa: ông Nguyễn Anh Tuấn - Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 12 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 30/2022/TLPT-HNGĐ ngày 25 ngày 10 năm 2022 về: "tranh chấp ly hôn và nuôi con chung khi ly hôn".

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 48/2022/HNGĐ-ST ngày 19 tháng 7 năm 2022 của Tòa án nhân dân thị xã B, tỉnh Vĩnh Long bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 40/2022/QĐ-PT ngày 17 tháng 11 năm 2022, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: anh Thái Trí T; cư trú tại: C, đường Đ, Khóm B, Phường H, thành phố V, tỉnh Vĩnh Long.

- *Bị đơn*: chị Trần Ngọc T1; cư trú tại: 2, tổ A, khóm Đ, phường Đ, thị xã B, tỉnh Vĩnh Long.

- *Người kháng cáo:* anh Thái Trí T - Là nguyên đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 29/3/2022 và quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn anh Thái Trí T trình bày: anh và chị Trần Ngọc T1 quen biết, tìm hiểu nhau và kết hôn vào năm 2009, có tổ chức đám cưới và đăng ký kết hôn theo quy định của pháp

luật. Trong quá trình chung sống vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, nên thường xuyên cãi nhau. Vì vậy, anh T yêu cầu Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn với chị Trần Ngọc T1.

Về con chung: vợ chồng có 02 con chung gồm Thái Minh T2, sinh ngày 23/4/2013 và Thái Khả H, sinh ngày 16/12/2014. Khi ly hôn anh yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng hai con, không yêu cầu chị T1 cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai ngày 14/6/2022 và quá trình giải quyết vụ án, bị đơn chị Trần Ngọc T1 trình bày: chị đồng ý ly hôn với anh Thái Trí T. Khi ly hôn chị yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con tên Thái Khả H, không yêu cầu anh T phải cấp dưỡng nuôi con. Đối với con tên Thái Minh T2 chị đồng ý giao cho anh T trực tiếp nuôi dưỡng, chị không phải cấp dưỡng nuôi con.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 48/2022/HNGĐ-ST ngày 19 tháng 7 năm 2022 của Tòa án nhân dân thị xã B, tỉnh Vĩnh Long đã quyết định:

Căn cứ vào các Điều 35, 39 và 177 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 9, 19, 51 và Điều 55, 81, 82, 83 và 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ vào điểm a, khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 về mức thu, miễn, giảm, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của anh Thái Trí T.

Về quan hệ hôn nhân: anh Thái Trí T và chị Trần Ngọc T1 thuận tình ly hôn.

Về con chung:

Giao bé Thái Khả H, sinh ngày 16/12/2014 cho chị T1 trực tiếp nuôi dưỡng, anh T không cấp dưỡng nuôi con. Anh T được quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung mà không ai được quyền cản trở.

Giao bé Thái Minh T2, sinh ngày 23/4/2013 cho anh T trực tiếp nuôi dưỡng, chị T1 không cấp dưỡng nuôi con. Chị T1 được quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung mà không ai được quyền cản trở.

Về tài sản chung, nợ chung: anh T và chị T1 không yêu cầu Tòa giải quyết.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí, việc thi hành án và quyền kháng cáo của các đương sự theo quy định của pháp luật.

Ngày 25/7/2022, nguyên đơn anh Thái Trí T kháng cáo yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm giải quyết cho anh được nuôi dưỡng 2 con chung tên Thái Minh T2, sinh

ngày 23/4/2013 và Thái Khả H, sinh ngày 16/12/2014. Anh không yêu cầu chị T1 cấp dưỡng nuôi con.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Anh T và chị T1 kết hôn có đăng ký, quá trình chung sống thì phát sinh mâu thuẫn, anh chị thuận tình ly hôn được cấp sơ thẩm công nhận. Phần này các đương sự không có kháng cáo. Anh T kháng cáo yêu cầu được nuôi thêm cháu H, do cấp sơ thẩm đã giao cháu T2 cho anh nuôi.

[2] Nhận thấy: anh T và chị T1 có 02 con chung là cháu Thái Minh T2, sinh ngày 23/4/2013 và cháu Thái Khả H, sinh ngày 16/12/2014 các cháu hiện nay đều do anh T đang trực tiếp nuôi dưỡng. Xét trong quá trình giải quyết vụ án, việc cha mẹ có nguyện vọng trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng giáo dục con sau khi ly hôn vừa là quyền và nghĩa vụ của cha mẹ được quy định tại Điều 81 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014. Khi giải quyết ly hôn các đương sự tự thỏa thuận với nhau về việc nuôi con hoặc Tòa án xử giao con cho ai là người trực tiếp nuôi phải căn cứ vào điều kiện cụ thể của từng người và phải quan tâm đến quyền và lợi ích mọi mặt của đứa trẻ. Căn cứ tài liệu chứng cứ trong hồ sơ vụ án thì anh T và chị T1 đều có đủ điều kiện để nuôi con. Tuy nhiên xét thấy từ tháng 12/2021 cho đến nay, khi chị T1 về chung sống với cha mẹ của chị ở thị xã B cháu T2 và cháu H vẫn do anh T trực tiếp nuôi dưỡng cho đến nay, các cháu được nuôi dưỡng tốt và phát triển bình thường, cháu T2 học lớp 4 và cháu H học lớp 3. Các cháu đều có nguyện vọng chung sống với cha. Như vậy để bảo đảm ổn định môi trường sống và học tập của các cháu, tránh làm xáo trộn, ảnh hưởng đến việc học, phải chuyển trường, ở môi trường khác, sẽ không bảo đảm tốt cho cháu H, vì vậy giao cháu H cho anh T tiếp tục nuôi dưỡng, chị T1 chưa phải cấp dưỡng nuôi con. Chị có quyền đến thăm nom, chăm sóc con chung không ai được cản trở.

[3] Đối với việc nuôi con chung sau khi ly hôn: nếu chị T1 có đủ căn cứ cho rằng anh T không còn đủ điều kiện nuôi con chung hoặc ngược đãi con chung thì có quyền khởi kiện yêu cầu Tòa án thay đổi người trực tiếp nuôi con, theo quy định của Luật Hôn nhân và Gia đình.

[4] Tại phiên tòa Kiểm sát viên phát biểu việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án và đề nghị: chấp nhận yêu cầu kháng cáo của anh T và sửa bản án sơ thẩm giao cháu H cho anh T nuôi dưỡng. Nhận thấy đề nghị của Kiểm sát viên phù hợp với tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ vụ án, áp dụng đúng quy định của pháp luật nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 308, khoản 1 Điều 309 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Chấp nhận yêu cầu kháng cáo của anh Thái Trí T và sửa Bản án sơ thẩm số 48/2022/HNGĐ-ST ngày 19 tháng 7 năm 2022 của Tòa án nhân dân thị xã B, tỉnh Vĩnh Long.

Áp dụng các Điều 81, 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về con chung: giao 02 người con chung là cháu Thái Minh T2, sinh ngày 23/4/2013 và cháu Thái Khả H, sinh ngày 16/12/2014 cho anh Thái Trí T tiếp tục nuôi dưỡng. Anh T chưa yêu cầu chị T1 cấp dưỡng nuôi con.

Chị T1 có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con, lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

2. Về án phí phúc thẩm: anh T không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm. Số tiền tạm ứng án phí phúc thẩm anh T nộp 300.000 đồng theo biên lai thu số 12770 ngày 25/7/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã B, tỉnh Vĩnh Long được hoàn trả lại cho anh T.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo kháng nghị phúc thẩm có hiệu lực pháp luật thi hành kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành

án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- TANDCC: 01b;
- VKSNDTVL: 02b
- CATANDTVL: 01b;
- TANDTXB: 01b;
- THADSTXB: 02b;
- Đ/sự: 02b;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án: 04b.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Hữu Tuấn